

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG THƯỢNG CÁT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ  
Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND phường Thượng Cát)

**I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN:**

1. Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

- Mã số định danh cá nhân:

- Nơi thường trú:

- Nơi ở hiện nay:

Số điện thoại:

2. Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

- Mã số định danh cá nhân:

- Nơi thường trú:

- Nơi ở hiện nay:

Số điện thoại:

3. Địa chỉ nơi thu hồi đất:

4. Tổng số nhân khẩu hiện tại nơi thu hồi đất:

5. Tổng diện tích đất đang sử dụng:

Trong đó:

- Diện tích đất trong chỉ giới thu hồi tại dự án:

Trong đó:

+ Đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất:

+ Đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP chưa được cấp GCNQSD đất:

+ Đất nông nghiệp hộ gia đình sử dụng trước ngày 01/7/2004:

- Diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi tại dự án:

6. Tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp được giao theo quy định bị thu hồi đến thời điểm hiện tại:

Các đồng thừa kế theo quy định pháp luật của ông Nguyễn Hữu Tăng và bà Nguyễn Thị Ngọc

Phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Các đồng thừa kế theo quy định pháp luật của ông Nguyễn Hữu Tăng và bà Nguyễn Thị Ngọc

Phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.

1 khẩu (Trong đó: 1 khẩu đủ điều kiện và 0 khẩu không đủ điều kiện hỗ trợ)

527,0 m<sup>2</sup>;

527,0 m<sup>2</sup>;

527,0 m<sup>2</sup>;

0,00 m<sup>2</sup>;

0,00 m<sup>2</sup>;

0,0 m<sup>2</sup>;

100,00 %

**II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

Stt	Nội dung bồi thường, hỗ trợ đất	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ BT, HT (%)	Thành tiền (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Đã phê duyệt (đồng)	Đã điều chỉnh, bổ sung (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)	(9)=(7)-(8)	(10)
1	Đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất:	m <sup>2</sup>	527,0	290.000	100%	152.830.000	152.830.000	0	
2	Đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP chưa được cấp GCNQSD đất:	m <sup>2</sup>	0,00	290.000	100%	0	0	0	
3	Đất nông nghiệp hộ gia đình sử dụng trước ngày 01/7/2004:	m <sup>2</sup>	0,00	290.000	100%	0	0	0	
	<b>Tổng cộng: (A)</b>					<b>152.830.000</b>	<b>152.830.000</b>	<b>0</b>	

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:**

2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp theo quy định: Không

2.2. Nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định:

Stt	Tên tài sản (loại nhà, công trình, quy cách...)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Giá trị xây mới	Thời gian khấu hao (năm)	Thời gian đã qua sử dụng (năm)	Giá trị hiện có	Mức bồi thường	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Trong đó		Ghi chú
												Đã phê duyệt (đồng)	Đã điều chỉnh, bổ sung (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)=(12)-(13)	(15)
<b>Tổng tiền: (B)</b>												<b>0</b>	<b>0</b>	

2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...):

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Đã phê duyệt (đồng)	Đã điều chỉnh, bổ sung (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)-(8)	(9)
1	Hoa ly có hoa	cây	10.540,0	21.800	0%	0	0	0	Không đủ điều kiện bồi thường theo Khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2024
<b>Tổng cộng: (C)</b>							<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

Stt	Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Trong đó		Ghi chú
						Đã Phê duyệt (đồng)	Đã điều chỉnh, bổ sung (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (bảng 5 lần giá đất nông nghiệp): 290.000đ/m <sup>2</sup> x 5 lần = 1.450.000đ/m <sup>2</sup> .	m <sup>2</sup>	527,0	1.450.000	764.150.000	0	764.150.000	Theo quy định tại Khoản 5 Điều 94 Luật Đất đai năm 2024
2	Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trên 70% diện tích đất NN đang sử dụng (30kg x 12 tháng x 16.600đ/kg = 5.976.000đ/khẩu nông nghiệp).	Khẩu	1	5.976.000	5.976.000	0	5.976.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng: 10.000đ/m <sup>2</sup> nhưng tối đa không quá 10.000.000đ/chủ sử dụng đất.	m <sup>2</sup>			0	0	0	Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất đủ điều kiện, nhận tiền và bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng quy định
<b>Tổng tiền: (D)</b>						<b>770.126.000</b>	<b>0</b>	<b>770.126.000</b>

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (nếu có) (E): Không

5. Phương án tái định cư (F): Không

III. Tổng số tiền BT, HT và TDC: (A)+(B)+(C)+(D)

922.956.000 đồng

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (E) + (F)

0 đồng

V. Tổng số tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

Trong đó: - Tổng số tiền đã phê duyệt:

- Số tiền điều chỉnh, bổ sung:

922.956.000 đồng

152.830.000 đồng

770.126.000 đồng

*Bằng chữ: Chín trăm hai mươi hai triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng.*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Tiến